TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 187/2026/HNGĐ-ST
Ngày 29-7-2026
"V/v Ly hôn giữa chị T và anh K"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7- AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thơm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Mộng Lành và bà Trần Thu Trang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mau - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7- An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7- An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 201/2026/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 216/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 194/2026/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Trần Thị T,** sinh năm 1986

Địa chỉ: Ấp T (nay là ấp T), xã Đ, tỉnh An Giang. (Có mặt).

2. Bị đơn: **Anh Nguyễn Tuấn K**, sinh năm 1980

Địa chỉ: Ấp T (nay là ấp T), xã Đ, tỉnh An Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án, chị Trần Thị T trình bày như sau:

Chị T và anh K chung sống với nhau vào năm 2008 trên cơ sở tự nguyện và thực hiện đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T1, huyện A, tỉnh Kiên Giang vào

ngày 06/12/2009.

Sau thời gian chung sống hạnh phúc được khoảng bốn năm thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh K thường xuyên uống rượu về nhà quậy vợ con, ngoài ra anh K có tính gia trưởng khắt khe tiền bạc cho rằng vợ chi xài nhiều nên vợ chồng thường xảy ra cự cãi. Vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn bất đồng, không tìm được tiếng nói chung nên đã tự ly thân cách nay khoảng ba năm. Nay nhận thấy vợ chồng không còn hoà hợp được với nhau, hôn nhân không còn hạnh phúc, mỗi người đều đã có cuộc sống riêng nên chị T yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn với anh K.

Về con chung: Chị T xác định vợ chồng có 02 người con chung là Nguyễn Tuấn T2 sinh ngày 26/10/2011 và Nguyễn Ngọc Thiên K1, sinh năm 23/12/2019 hiện dang sống cùng mẹ. Chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng các con chung sau khi ly hôn và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị T xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa - bị đơn anh Nguyễn Tuấn K đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu xin ly hôn của chị T.

Ý kiến trình bày của con chung: Các cháu Nguyễn Tuấn T2 và Nguyễn Ngọc Thiên K1 có nguyện vọng được sống với mẹ.

Thu thập chứng cứ: Nguyên đơn cung cấp Giấy chứng nhận kết hôn (Bản sao), giấy căn cước (Bản sao), giấy khai sinh của con chung vợ chồng. Bị đơn không cung cấp chứng cứ.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đảm bảo đúng theo quy định. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 56, Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị T ly hôn với anh K; giao cháu Nguyễn Tuấn T2 và Nguyễn Ngọc Thiên K1 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, các đương sự không có yêu cầu cấp

dưỡng nuôi con chung nên không xem xét; về tài sản chung và nợ chung vợ chồng không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn xã Đông Thái, tỉnh An Giang. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - An Giang.

Quan hệ pháp luật: Chị T yêu cầu ly hôn với anh K và yêu cầu giải quyết về con chung khi ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung".

Sự vắng mặt của bị đơn tại phiên toà: Anh K được triệu tập xét xử hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh K.

[2] Về nội dung vụ án

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Chị T và anh K chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện A, tỉnh Kiên Giang cũ theo quy định của pháp luật, do đó hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Qua lời trình bày của chị T và kết quả xác minh từ chính quyền địa phương có cơ sở để xác định quá trình chung sống đời sống hôn nhân của chị T và anh K đã phát sinh mâu thuẫn do anh K hay uống rượu về nhà la mắng vợ con và giữa vợ chồng thường xảy ra cự cãi trong cách chi tiêu sinh hoạt của gia đình. Vợ chồng đã tìm cách khắc phục nhưng không dung hoà được với nhau nên đã tự ly thân với nhau cách nay khoảng ba năm. Trong thời gian sống ly thân anh chị đã tự tạo dựng cuộc sống riêng, không còn quan tâm đến nhau. Toà án tiến hành hoà giải đoàn tụ nhưng các đương sự đều không có thiện chí hàn gắn hôn nhân. Từ đó có cơ sở để nhận định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục

đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất giải quyết cho chị T ly hôn với anh K.

Về con chung: Chị T và anh K có hai người con chung đều chưa thành niên. Sau khi vợ chồng ly thân các con chung sống với chị T có cuộc sống sinh hoạt ổn định, hiện nay chị T có công việc tạo thu nhập để đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung, anh K không có ý kiến về nguyện vọng được nuôi các con chung của chị T khi vợ chồng ly hôn đồng thời các con chung đều có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ do đó Hội đồng xét xử thống nhất giao các cháu Nguyễn Tuấn T2, sinh ngày 26/10/2011 và Nguyễn Ngọc Thiên K1, sinh năm 23/12/2019 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng sau khi chị T và anh K ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận ý kiến của chị T không yêu cầu anh Kiệt cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

Về tài sản chung của vợ chồng: Chị T xác định không có, các đương sự không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung của vợ chồng: Chị T xác định không có, không ai có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 144 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị T là nguyên đơn chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào tiền nộp tạm ứng án phí.

[4] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - An Giang tại phiên tòa là có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia và đình năm 2014;

- Áp dụng vào khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị T.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Nguyễn Tuấn K.

2. Về con chung: Giao các con chung Nguyễn Tuấn T2, sinh ngày 26/10/2011 và Nguyễn Ngọc Thiên K1, sinh năm 23/12/2019 cho chị Trần Thị T nuôi dưỡng sau khi chị Trần Thị T và anh Nguyễn Tuấn K ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận ý kiến của chị Trần Thị T không yêu cầu anh Nguyễn Tuấn K cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết anh, chị có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Chị Trần Thị T xác định không có, các đương sự không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Trần Thị T xác định không có, không ai có yêu cầu nên không xem xét.

5. Về án phí: Chị Trần Thị T có nghĩa vụ nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 304514 ngày 03/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Chị Trần Thị T đã nộp đủ án phí.

6. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 8 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự"./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 7- An Giang;
- Phòng THADS khu vực 7- An Giang;
- UBND xã Tây Yên ;
- Các đương sự;
- Lưu, HS, VP.

TAND KHU VỰC 7

ME5290726.TL.QDBA
1852

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đinh Thị Thơm